

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi hoạt động của đảng ủy xã, phường, đặc khu
và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi
có đặc điểm riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số 2648/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức chi hoạt động
của đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ
sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; báo cáo
tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 291/BC-UBND
ngày 03 tháng 7 năm 2026, Báo cáo thẩm tra số 165/BC-HĐND ngày 03 tháng
7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi hoạt động
của đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ
sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức chi hoạt động của đảng ủy xã, phường, đặc khu
và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm
riêng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định số 113-QĐ/VPTW
ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng Quy định một số
nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy.

2. Đối tượng áp dụng

Đảng ủy xã, phường, đặc khu; đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở
đảng ở những nơi có đặc điểm riêng

**Điều 2. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình đảng ủy, ban thường
vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức
cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng ban hành**

1. Chi xây dựng văn bản ban hành mới (hoặc văn bản thay thế)

a) Văn bản do đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng quyết định ban hành.

Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 25.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 20.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện, mức chi: 20.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản do ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu và ban thường vụ đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng quyết định ban hành.

Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 20.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 15.000.000 đồng/văn bản.

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện, mức chi: 15.000.000 đồng/văn bản.

2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung

Mức chi bằng 60% quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức chi quy định tại khoản 1, 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ký ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định bao gồm: Dự thảo đề án (trường hợp được giao xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình nếu có).

b) Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm: Dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình nếu có).

c) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản tại điểm a và điểm b khoản này: Chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

4. Chi thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

a) Văn bản trình đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng.

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 7.500.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 6.000.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện, mức chi: 6.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản trình ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu và ban thường vụ đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi: 6.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi: 5.000.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện, mức chi: 5.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi bằng 30% tổng mức chi thẩm định văn bản nêu trên.

5. Mức chi quy định tại khoản 4 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của hoạt động thẩm định văn bản nêu trên gồm: Báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

Điều 3. Chi xây dựng một số văn bản khác trình đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khoá, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của đảng ủy, mức chi: 15.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của đảng ủy; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, mức chi: 7.500.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của đảng ủy; báo cáo tổng kết năm của đảng ủy; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của đảng ủy; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của đảng ủy, mức chi: 4.500.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của đảng ủy, mức chi: 3.500.000 đồng/chương trình.

5. Chi xây dựng chỉ thị, kết luận, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy, mức chi: 2.500.000 đồng/văn bản.

Điều 4. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng

1. Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý, mức chi: 15.000.000 đồng/đoàn (tổ).

2. Đoàn giải quyết tố cáo, mức chi: 10.000.000 đồng/đoàn (tổ).

3. Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, mức chi: 8.000.000 đồng/đoàn (tổ).

Điều 5. Chi trang phục

Các đồng chí ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường, đặc khu và các đồng chí ủy viên đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng mỗi năm được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi 500.000 đồng/người/năm. Riêng các đồng chí là ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh hoặc là đại biểu quốc hội hoặc là đại biểu hội đồng nhân dân thực hiện theo chế độ của ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu quốc hội hoặc đại biểu hội đồng nhân dân (mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2026.
2. Đối với nội dung chi của các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XV, kỳ họp lần thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo);
- Các bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, UVKTNS.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh